TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ -ST
Ngày: 15-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết;

2. Ông Lê Việt Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa*:** không tham gia

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 534/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985; trú tại: ấp L, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

2.Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1989; trú tại: ấp L, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/11/2020 của nguyên đơn anh Trần Văn T và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Vào năm 2011, anh T và chị N quen biết rồi tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 05/05/2011 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống hoàn toàn không hợp nhau và không còn sống chung với nhau cho đến nay. Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Thanh N. Anh T xin được vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm.

*Về con chung: Có 03 con chung: Trần Hoàng Yến V, sinh năm 2011, Trần Hoàng Thảo M và Trần Hoàng Bảo T, sinh 2013. Hiện đang sống chung với anh T, khi ly hôn yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

*Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Tại tờ khai ngày 12/12/2020 của bị đơn chị Trần Thị Thanh N trình bày như sau: Chị N thống nhất ý kiến của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Nay chị N đồng ý ly hôn với anh T, giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và chị N không cấp dưỡng nuôi con. Chị N yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị N vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định khoản 1 tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, anh T và chị N cưới nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 29 ngày 05/5/2011. Sau khi cưới hai vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau nên hiện nay không còn sống chung với nhau. Anh T yêu cầu ly hôn và chị N thống nhất ly hôn. Do chị N yêu cầu Tòa án không tiến hành phiên hòa giải vì đi làm ăn xa nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Xét mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng không thể hàn gắn lại được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp Điều 56 luật Hôn nhân & gia đình.

[3] Về con chung: Có 03 con chung: Trần Hoàng Yến V, sinh năm 2011, Trần Hoàng Thảo M, sinh năm 2013 và Trần Hoàng Bảo T, sinh 2013. Hiện đang sống chung với anh T, khi ly hôn yêu cầu nguyên đơn nuôi con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét anh T yêu cầu nuôi 03 con chung là có căn cứ, bởi vì hiện nay các cháu sống chung với anh T và chị N cũng thống nhất giao con chung cho anh T nuôi

dưỡng cũng phù hợp nguyện vọng của các cháu. Do đó Tòa án giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn không yêu cầu còn bị đơn không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung: Các bên yêu cầu nên không xét

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006257 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Thanh N.

2.Về con chung: Giao 03 con chung : Trần Hoàng Yến V, sinh năm 2011; Trần Hoàng Thảo M, sinh năm 2013 và Trần Hoàng Bảo T, sinh 2013 cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

Bị đơn có quyền khởi kiện thay đổi việc nuôi con chung nếu sau này có yêu cầu.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4.Về nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai

thu số 0006257 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-UBND xã nơi ĐKKH;
-Các đs;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tấn Phong